

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Tổ chức và Quản lý giao thông vận tải

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN HOÀNG TÙNG

2. Ngày tháng năm sinh: 29/01/1983; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Phòng 802, Tòa nhà N09B1, Khu ĐTM Dịch Vọng, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Phòng 802, Tòa nhà N09B1, Khu ĐTM Dịch Vọng, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: ...; Điện thoại di động: 0936038389; E-mail: hoangtung@utc.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2005 đến năm 2008: Giảng viên bộ môn Dự án và Quản lý dự án, Khoa Công trình, Trường Đại học Giao thông Vận tải.

Từ năm 2008 đến năm 2010: Nghiên cứu sinh thạc sĩ tại trường đại học Saitama - Nhật Bản.

Từ năm 2010 đến năm 2011: Giảng viên bộ môn Dự án và Quản lý dự án, Khoa Công trình, Trường Đại học Giao thông Vận tải.

Từ năm 2011 đến năm 2014: Nghiên cứu sinh tiến sĩ tại trường đại học Saitama - Nhật Bản.

000001

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Từ năm 2014 đến năm 2015: Nghiên cứu sinh sau tiến sĩ tại trường đại học Saitama - Nhật Bản.

Từ năm 2015 đến Nay: Giảng viên bộ môn Quản lý dự án, Khoa Quản lý xây dựng, Trường Đại học Giao thông Vận tải.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên chính; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên chính.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Quản lý xây dựng, Trường Đại học Giao thông Vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Địa chỉ cơ quan: Số 3 Cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024.37663311

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 29 tháng 06 năm 2005, ngành: Kinh tế xây dựng, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Xây dựng, Việt Nam;

- Được cấp bằng ThS ngày 24 tháng 03 năm 2010, ngành: Khoa học Môi trường và Xây dựng, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Saitama, Nhật Bản;

- Được cấp bằng TS ngày 19 tháng 09 năm 2014, ngành: Khoa học và kỹ thuật, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Saitama, Nhật Bản;

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

.....

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm,

ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giao thông Vận tải;

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Giao thông vận tải;

000002

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Quản lý giao thông đô thị.
- Quản lý dự án xây dựng công trình.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 đề tài NCKH cấp Bộ (bảo vệ xong cấp cơ sở, chủ nhiệm), 01 đề tài NCKH cấp cơ sở (chủ nhiệm);
- Đã công bố (số lượng) 28 bài báo KH, trong đó 08 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 01 (sách tham khảo), trong đó thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ năm học 2017-2018 đến năm học 2018-2019.
- Giải thưởng nghiên cứu xuất sắc của Hiệp hội nghiên cứu quốc tế về khoa học giao thông và an toàn (IATSS) năm 2019 cho nghiên cứu " Modeling cyclists' facility choice and its application in bike lane usage forecasting".
- Bằng khen của Ban chấp hành Đảng bộ tại Nhật Bản trao cho Bí thư Chi bộ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2014.
- Bằng khen của Ban chấp hành Đảng bộ tại Nhật Bản trao cho Bí thư Chi bộ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2013.
- Bằng khen của Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Nhật Bản cho Trưởng nhóm tuyên truyền Bna tổ chức Hội thảo trao đổi khoa học sinh viên Việt Nam - Nhật Bản lần thứ 5, VJSE Tokyo 2009.
- Giấy khen của Hội Thanh niên Sinh viên Việt Nam tại Kanto do có thành tích đóng góp cho phong trào hoạt động thanh niên sinh viên Việt Nam tại khu vực Kanto, Nhật Bản năm 2008.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong khoảng thời gian thực hiện nhiệm vụ giảng dạy tại Trường đại học Giao thông Vận tải (2005-2020), ứng viên tự đánh giá theo các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo:

Đã đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt trong hoạt động giảng dạy và sinh hoạt.
- Đạt trình độ chuẩn về chuyên môn đào tạo chuyên ngành Tổ chức và Quản lý giao thông vận tải, được công nhận chức danh giảng viên chính (hạng II).
- Đảm bảo đủ sức khỏe đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy
- Có lý lịch bản thân rõ ràng.

Ứng viên luôn hoàn tốt các nhiệm vụ:

- Giảng dạy theo mục tiêu chuyên môn và chương trình của chuyên ngành đào tạo. Giáo dục bồi dưỡng thêm sinh viên các phẩm chất đạo đức, kỹ năng, tư cách của một công dân thế hệ mới.
- Luôn thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách Nhà nước và các điều lệ giáo dục, giảng dạy của Nhà trường.
- Luôn giữ gìn hình ảnh của một nhà giáo, đối xử sinh viên như một người tư vấn, định hướng trong cả chuyên môn và xã hội.
- Ngoài ra ứng viên cũng không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 07 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng Thạc sĩ đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2007-2008	-	-	-		201	-	201/301.90/280
2	2015-2016	-	-	-	3	253	-	253/416.72/270
3	2016-2017	-	-	1	8			267/629.23/270
3 năm học cuối								
4	2017-2018	-	-	1	15	144	360	504/1051.48/270
5	2018-2019	-	-	3	6	72	360	432/937.20/270
6	2019-2020	-	-	-	-	78	135	213/302.55/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Bảo vệ luận án TS; ☒ tại nước: Nhật Bản năm 2014.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng tiếng Anh: cho lớp Công trình giao thông đô thị Việt - Nhật, Quản lý xây dựng CTGT Việt - Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Đạt chứng chỉ IELTS (6.5 điểm) tại Hội đồng IDP năm 2010.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Lưu Tuấn Tùng		x	x		Từ 11/2017 đến 04/2018 (Theo QĐ số 2101/QĐ-ĐHGTVT)	Trường ĐH GTVT	2019/Quyết định cấp bằng số 2555/QĐ-ĐHGTVT
2	Quản Hoàng Duy		x	x		Từ 05/2018 đến 11/2018 (Theo QĐ số 860/QĐ-ĐHGTVT)	Trường ĐH GTVT	2019/Quyết định cấp bằng số 2555/QĐ-ĐHGTVT
3	Vũ Hoàng Duy		x	x		Từ 04/2016 đến 10/2016 (Theo QĐ số 868/QĐ-ĐHGTVT)	Trường ĐH GTVT	2019/Quyết định cấp bằng số 1821/QĐ-ĐHGTVT

000005

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

4	Đỗ Hữu Hà		x	x		Từ 09/2018 đến 03/2019 (Theo QĐ số 1763/QĐ-ĐHGTVT)	Trường ĐH GTVT	2019/Quyết định cấp bằng số 1340/QĐ-ĐHGTVT
5	Nguyễn Duy Khánh		x	x		Từ 05/2018 đến 11/2018 (Theo QĐ số 858/QĐ-ĐHGTVT)	Trường ĐH GTVT	2019/Quyết định cấp bằng số 1340/QĐ-ĐHGTVT

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1							
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Quản lý chất lượng và giám sát xây dựng	TK	Nhà xuất bản GTVT, 2019	03	PGS.TS. Bùi Ngọc Toàn	Phần biên soạn Chương 5 và 6, từ trang 85 đến trang 115.	Văn bản xác nhận của Trường Đại học Giao thông Vận tải ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

000006

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng và tổng hợp nhu cầu xây dựng cầu dân sinh phục vụ giáo dục tại các tỉnh vùng sâu vùng xa khu vực phía Bắc.	Chủ nhiệm	CTB2018-GHA-01NV Cấp Bộ Giáo dục & Đào tạo	09/2018-12/2019	Nghiệm thu cấp bộ: Đang chờ ra quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ. Nghiệm thu cấp cơ sở ngày: 16/12/2019 (đánh giá Đạt)
2	Nghiên cứu thực trạng hoạt động, đề xuất các điều chỉnh cần thiết cho dự án tuyến BRT Yên Nghĩa – Kim Mã	Chủ nhiệm	T2018-CT-017 Cấp cơ sở ĐHGTVT	01/2018-12/2018	Nghiệm thu ngày: 12/12/2018 (xếp loại Tốt)
3	Nghiên cứu ứng dụng dữ liệu GPS phục vụ đánh giá quy hoạch mạng lưới giao thông của thành phố Hà Nội	Tham gia	T2018-CT-028 Cấp cơ sở ĐHGTVT	01/2018-12/2018	Nghiệm thu ngày: 25/01/2019 (xếp loại tốt)
4	Nghiên cứu ứng dụng mạng neuron nhân tạo trong đánh giá rủi ro kiểm toán nhằm hoàn thiện công tác kiểm toán xây dựng	Tham gia	T2018-CT-017 Cấp cơ sở ĐHGTVT	01/2019-12/2019	Nghiệm thu ngày: 16/12/2019 (xếp loại tốt)

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

000007

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không g tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
1	Bài báo “Một số vấn đề cơ bản về đánh giá tác động môi trường dự án”.	01	Có	Tạp chí Khoa học Giao thông Vận tải. ISSN 1859-2724			Tập 16 Trang 143÷147	2006
2	Bài báo “Quy tắc và các giai đoạn đánh giá tác động môi trường dự án”.	01	Có	Tạp chí Khoa học Giao thông Vận tải. ISSN 1859-2724			Tập 17 Trang 79÷86	2007
3	Bài báo “Phương pháp thực hiện các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và lập dự toán các chi phí có liên quan”.	01	Có	Tạp chí Khoa học Giao thông Vận tải. ISSN 1859-2724			Tập 22 Trang 136÷142	2008
4	Bài báo “Quản lý cơ sở hạ tầng: cách tiếp cận mới cho hệ thống thu phí giao thông đường bộ Việt Nam”.	01	Có	Tạp chí Khoa học Giao thông Vận tải. ISSN 1859-2724			Tập 32 Trang 194÷199 & 252	2010
5	Bài báo “A Psychological Approach to Demand Forecasting: A Measure of Potential User in Bus Service”. https://doi.org/10.11175/easts.10.728	03	Có	Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies ISSN 1881-1124			Tập 10 Trang 728÷741	2013

6	Bài báo “Passenger Perception Regarding Bus Service: A Deep Examination on Multi-Component Concept of Loyalty”. https://doi.org/10.11175/easts.10.612		Có	Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies ISSN 1881-1124			Tập 10 Trang 612÷629	2013
7	Bài báo “Recognising customers' patterns of bus service patronage using a loyalty framework”. https://doi.org/10.1016/j.iatssr.2013.10.001		Có	IATSS Research ISSN 0386-1112	ESCI (Q2)		Tập 37 (2) Trang 148÷156	2014
Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
8	Bài báo “Long-term Effectiveness of Sinusoidal Hump-Focusing on the Acceptability of Local Residents”. https://doi.org/10.11175/easts.11.2159	04	Không	Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies ISSN 1881-1124			Tập 11 Trang 2159÷2174	2015
9	Bài báo “Travellers' Motivations to Use Public Transportation: A Changing Strength of Pro Environmental Motivation in Deciding Bus Use Intention”. https://doi.org/10.11175/easts.11.1522	03	Có	Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies ISSN 1881-1124			Tập 11 Trang 1522÷1534	2015
10	Bài báo “Travelers' motives in using the bus: An awareness of the role of trip purpose”.	03	Có	Journal of JSCE ISSN 2187-5103			Tập 4(1) Trang 46÷51	2016
11	Bài báo “Impacts of travellers' social awareness on the intention of bus usage”. https://doi.org/10.2208/journalofjsce.4.1_46	03	Có	IATSS Research ISSN 0386-1112	ESCI (Q2)		Tập 39 (2) Trang 130÷137	2016

12	Bài báo “Traffic safety of elderly road user: The global trend and the Japanese case”. https://doi.org/10.2208/jscejipm.72.1.1249	04	Không	Journal of Japan Society of Civil Engineers, Ser. D3 (Infrastructure Planning and Management) ISSN: 2185-6540			Tập 72 (5) Trang 1249÷1264	2016
13	Bài báo “Kinh nghiệm tổ chức, quản lý và ứng dụng hệ thống giao thông thông minh trên thế giới và một số đề xuất cho thành phố Hà Nội”.	02	Có	Tạp chí giao thông vận tải ISSN: 2354-0818			Tập 10 Trang 116÷119	2017
14	Bài báo “Validating Motive of Bike Lane Usage: An Observation of Actual Behavior”. https://doi.org/10.11175/easts.12.889	04	Không	Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies ISSN 1881-1124			Tập 12 Trang 889÷903	2017
15	Bài báo “Effect of surface roughness on cyclists' handlebar controllability: an insight into bicycling safety”. http://www.atsinternationaljournal.com/index.php/2017-issues/xliii-november-2017/935-effect-of-surface-roughness-on-cyclists-handlebar-controllability-an-insight-into-bicycling-safety	04	Không	Advances in transportation studies ISSN: 1824-5463	Scopus		Tập 43 Trang 75÷92	2017
16	Bài báo “Identification of external factors affecting the effectiveness of speed humps”. https://doi.org/10.11175/easts.12.2016	04	Không	Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies ISSN 1881-1124			Tập 12 Trang 2016÷2034	2017

17	Bài báo "Transformation from intentions to habits in travel behavior: An awareness of a mediated form of intention". https://doi.org/10.1016/j.trf.2017.07.001	03	Có	Transportation Research Part F: Traffic Psychology and Behaviour ISSN: 1369-8478	SSCI (Q2) (IF2018 = 2.360)		Tập 49 Trang 226÷235	2017
18	Bài báo "Application of attitude theory for identifying the effects of non-attendance attributes in stated choice surveys". https://doi.org/10.1016/j.tbs.2017.07.003	02	Có	Travel Behaviour and Society ISSN: 2214-367X	SSCI (Q1) (IF2018 = 3.218)		Tập 12 Trang 64÷71	2018
19	Bài báo "Modeling cyclists' facility choice and its application in bike lane usage forecasting". https://doi.org/10.1016/j.iatssr.2017.06.006	04	Không	IATSS Research ISSN 0386-1112	ESCI (Q2)		Tập 42 (2) Trang 86÷95	2018
20	Bài báo "Đánh giá thực trạng hoạt động tuyến BRT Yên Nghĩa - Kim Mã: Góc nhìn từ phía người sử dụng".	04	Có	Tạp chí giao thông vận tải ISSN: 2354-0818			Tập 11 Trang 63÷66	2018
21	Bài báo "Clarifying multiple-mode decision making in conventional psychological models: A consideration of the influential mechanism of car use's characteristics on the behavioral use of public transportation". https://doi.org/10.1016/j.iatssr.2018.10.002	02	Có	IATSS Research ISSN 0386-1112	ESCI (Q2)		Tập 43 (2) Trang 114÷121	2019
22	Bài báo "Examining Influenced Factors Of The Preparation Phase On Total Construction Time Delay Of Build-Operate-Transfer Transport Projects In Vietnam".	02	Có	Tạp chí Khoa học Giao thông Vận tải. ISSN 1859-2724			Tập 70 (3) Trang 201÷213	2019

23	Báo cáo tại hội nghị khoa học quốc tế có phản biện "The first BRT in Vietnam: A financial review after 2 years in operation".	01	Có	Proceeding of Vietnam-Japan Science and Technology Symposium (VJST2019), ISBN 978-604-913-812-6		Trang 151÷156	2019
24	Bài báo "Xác định thời gian khai thác của chủ đầu tư tư nhân theo phương pháp rủi ro giá trị hiện tại thuần áp dụng cho các dự án BOT giao thông tại Việt Nam".	01	Có	Tạp chí Khoa học Giao thông Vận tải. ISSN 1859-2724		Tập 69 Trang 20÷28	2019
25	Bài báo "Ước lượng mật độ dòng giao thông hỗn hợp sử dụng dữ liệu GPS kết hợp với dữ liệu camera ứng dụng thuật toán Kalman giản đơn".	03	Không	Tạp chí Cầu đường Việt Nam ISSN: 1859-459X		Tập 1+2 Trang 45÷49	2019
26	Bài báo "Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội sau triển khai thực hiện đề án 186 cầu treo dân sinh tại các tỉnh vùng sâu vùng xa khu vực miền núi phía Bắc".	02	Không	Tạp chí giao thông vận tải ISSN: 2354-0818		Tập 11 Trang 95÷98	2019
27	Bài báo "Driving behavior in mixed traffic flow: A novel model for assessing bus movement considering the interaction with motorcyclists". https://doi.org/10.1016/j.iatssr.2019.10.003	02	Có	IATSS Research ISSN 0386-1112	ESCI (Q2)	Bài báo chờ xuất bản, Đã công bố online ngày 6/11 năm 2019;	2019
28	Bài báo "Construction Auditing Risk Detection Using Neural Network". https://dl.uctm.edu/see/node/jsee2019-1/6_SEE_19-05_P_39-44.pdf	03	Không	Science, Engineering & Education ISSN 2534-8515. https://dl.uctm.edu/see/web/201941		Tập 4(1) Trang 39÷44	2019

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **05**.

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT của bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Nghiên cứu xuất sắc cho nghiên cứu khoa học với tiêu đề “Modeling cyclists' facility choice and its application in bike lane usage forecasting”	Hiệp hội nghiên cứu quốc tế về khoa học giao thông và an toàn (IATSS)	27/02/2020 (Chưa tiến hành trao thưởng do ảnh hưởng của dịch Covid, Có giấy thông báo trao thưởng)	04

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Tham gia tiểu ban xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Kinh tế và Quản lý đô thị (Quyết định số 2391/QĐ-ĐHGTVT ngày 22/11/2019).

- Tham gia tiểu ban đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập (Quyết định số 2115/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/10/2019).

- Tham gia nhóm chuyên gia tư vấn điều chỉnh chương trình đào tạo Ngành Quản lý xây dựng và ngành Kinh tế xây dựng của Trường ĐHTVT (Quyết định số 99/QĐ-ĐHGTVT ngày 10/01/2018).

- Tham gia hội đồng thẩm định chương trình đào tạo bậc đại học ngành Quản lý xây dựng (Quyết định số 476/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/02/2016).

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: Bài báo khoa học "N Duc-Nghiem, N Hoang-Tung, A Kojima, H Kubota. (2017). Effect of surface roughness on cyclists' handlebar controllability: an insight into bicycling safety, Advances in transportation studies, Vol. 43, pp. 75÷92 (thuộc danh mục Scopus).

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác
giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác
giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

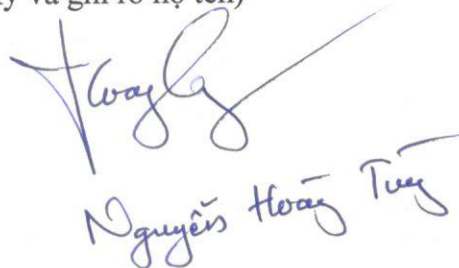
**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp
luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Hoàng Tùng